

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC (VAAL)

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 01
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02 - 03
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	04 - 05
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06 - 06
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	07 - 08
6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	09 - 18



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F C1, Tòa nhà Miras Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị	Chức vụ
- Ông Dương Minh Dũng	Chủ tịch
- Ông Trần Cung	Phó Chủ tịch
- Bà Trần Ngọc Lan Trang	Thành viên
- Ông Huỳnh Đông Hà	Thành viên
- Ông Hoàng Mãng	Thành viên

Ban Giám đốc

- Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc
- Ông Ngô Phi Hậu	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách sản xuất
- Ông Huỳnh Đông Hà	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách đối ngoại
- Bà Nguyễn Thị Trang	Phó Tổng giám đốc - Phụ trách Hành chính, xúc tiến thương mại

Người đại diện theo pháp luật

- Ông Trần Cung	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính liên hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ cần đọc thêm các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty để có thêm thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngày 27 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc


Trần Cung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ được lập ngày 27/03/2015, kèm theo từ trang 04 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

1 - Bao gồm trong giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, có số hàng tồn kho bị hư và quá hạn sử dụng là 5.891.959.350 đồng. Công ty không lập dự phòng giảm giá đối với số hàng tồn kho bị hư và quá hạn sử dụng này.

2 - Trong khoản mục Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 có số tiền 6.000.000.000 đồng đầu tư vào Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ. Công ty không đưa ra được bằng chứng phù hợp để làm cơ sở hạch toán số tiền này.

3 - Số dư Các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 90.860.497.508 đồng chưa được xác nhận đầy đủ và chúng tôi cũng không thể xác minh số dư này bằng các thủ tục kiểm toán khác.

4 - Số dư khoản mục Cổ phiếu quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.258.914.058 đồng được Công ty ghi nhận trong năm 2013. Việc ghi nhận này chưa phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ" thì các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Càn Giã tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cần lưu ý đến thuyết minh tại mục III.2 của báo cáo tài chính, cho thấy trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty vẫn còn số lỗ lũy kế đã khiến vốn chủ sở hữu bị âm là 3.276.405.429 đồng. Cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 71.294.312.045 đồng.

Các sự kiện này cho thấy hiện hữu của vấn đề không chắc chắn, mang tính trọng yếu, đưa đến điều rất hoài nghi về khả năng Công ty tiếp tục hoạt động theo nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 03 năm 2015



LÊ QUỐC HIẾU

Giám đốc

GCNĐKHNKT số: 0209-2013-160-1

PHẠM QUỐC HẢI

Kiểm toán viên

GCNĐKHNKT số: 1168-2013-160-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		136.046.876.585	130.759.373.932
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	311.920.445	672.281.008
Tiền	111		311.920.445	672.281.008
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu	130		90.860.497.508	82.262.160.402
Phải thu của khách hàng	131	V.2	80.971.806.337	73.498.923.129
Trả trước cho người bán	132	V.3	1.566.616.426	394.625.000
Các khoản phải thu khác	135	V.4	8.322.074.745	8.368.612.273
Hàng tồn kho	140	V.5	43.184.382.687	45.864.879.219
Hàng tồn kho	141		43.184.382.687	45.864.879.219
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.690.075.945	1.960.053.303
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	55.867.049	169.549.869
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		195.574.311	637.566.305
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.438.634.585	1.152.937.129
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		118.877.783.701	125.893.974.042
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		60.235.644.204	68.487.009.038
TSCĐ hữu hình	221	V.8	60.235.644.204	68.487.009.038
Nguyên giá	222		102.090.983.684	106.113.459.906
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.855.339.480)	(37.626.450.868)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.348.210.645	39.348.210.645
Đầu tư vào công ty con	251		33.348.210.645	33.348.210.645
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		19.293.928.852	18.058.754.359
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	19.293.928.852	18.058.754.359
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		254.924.660.286	256.653.347.974

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

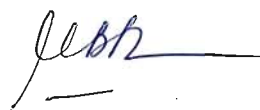
Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirac Business Center, 268 Lê Hiến Thanh, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MA SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		258.201.066.715	260.809.008.851
Nợ ngắn hạn	310		207.341.188.630	209.449.131.766
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	65.069.266.419	70.613.587.659
Phải trả cho người bán	312	V.12	52.369.397.693	65.115.241.283
Người mua trả tiền trước	313	V.13	2.288.840.808	1.355.161.225
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.376.107.935	678.667.749
Phải trả công nhân viên	315		-	14.547.419
Chi phí phải trả	316	V.15	82.552.427.028	70.149.958.996
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	V.16	3.453.816.426	3.290.635.114
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(1.768.667.679)	(1.768.667.679)
Nợ dài hạn	330		50.859.877.085	51.359.877.085
Vay và nợ dài hạn	334	V.17	50.859.877.085	51.359.877.085
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(3.276.405.429)	(4.155.660.877)
Vốn chủ sở hữu	410	V.18	(3.276.405.429)	(4.155.660.877)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(4.258.914.058)	(4.258.914.058)
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.889.293.188	1.889.293.188
Quỹ dự phòng tài chính	418		494.825.196	494.825.196
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(111.401.609.755)	(112.280.865.203)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		"	"
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		254.924.660.286	256.653.347.974



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng

Ngày 27 tháng 03 năm 2015



Trần Cung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.372.004.642	42.345.683.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	106.342.659	19.495.014
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	79.265.661.983	42.326.188.009
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	39.502.267.143	20.671.040.875
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.763.394.840	21.655.147.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.894.488	7.515.389.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	17.717.047.790	24.079.481.666
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		17.544.733.358	24.052.777.893
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	2.572.774.678	805.634.322
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	18.418.533.645	20.716.302.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.063.933.215	(16.430.881.832)
11. Thu nhập khác	31	VI.9	1.445.303.583	9.119.868.963
12. Chi phí khác	32	VI.10	1.629.981.350	2.137.254.584
13. Lợi nhuận khác	40		(184.677.767)	6.982.614.379
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		879.255.448	(9.448.267.453)
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		879.255.448	(9.448.267.453)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		02	(860)

Ngày 27 tháng 03 năm 2015



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng



Trần Cung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 21-C1, Tòa nhà Mua Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	879.255.448	(9.448.267.453)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.735.766.181	8.024.007.251
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	114.094.976	26.703.773
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	905.158.710	(6.695.220.189)
- Chi phí lãi vay	06	17.544.733.358	24.052.777.893
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	27.179.008.673	15.960.001.275
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.476.417.463)	(3.791.132.141)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.680.496.532	(1.903.677.793)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(8.981.853.808)	(22.842.980.406)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.121.491.673)	2.258.806.936
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.139.016.322)	(583.375.461)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	100.000.000	908.284.166
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(140.000.000)	(914.654.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.100.725.939	(10.908.727.824)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(853.000.000)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	454.545.455	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.000.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.894.488	5.611.835
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(389.560.057)	7.005.611.835
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	4.042.430.893
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.072.009.744)	(520.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	(6.072.009.744)	3.522.430.893

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho nam tại chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NAM NAY	NAM TRƯỚC
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(360.843.862)	(380.685.096)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	672.281.008	1.052.966.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	483.299	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	311.920.445	672.281.008



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Cần Giờ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302664945, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 07 năm 2007, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 vào ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Vốn điều lệ đăng ký: 110.000.000.000 VND

Công ty có trụ sở đặt tại: Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

Địa điểm kinh doanh: Công ty có bốn (04) địa điểm kinh doanh như sau

1./ Kho hàng Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ tại Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Nhà máy sản xuất US Pharma - Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ (Hoạt động độc lập) tại Lô B1-10 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường D2, Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

3./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Gian hàng F16 Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế tại số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

4./ Địa điểm kinh doanh Công ty CP Dược phẩm Cần Giờ - Cửa hàng Dược phẩm Cần Giờ tại số 64 đường Duyên Hải, khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế, nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất dược phẩm;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng; đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm (không bán buôn thực phẩm, đường tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị y tế (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện; không sản xuất thủy tinh, gốm sứ tại trụ sở);
- Mua bán trang thiết bị y tế; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp;
- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Cho thuê xe có động cơ.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẬN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vi vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty vẫn còn số lỗ lũy kế đã khiến vốn chủ sở hữu bị âm là 3.276.405.429 đồng. Cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 71.294.312.045 đồng. Các sự kiện này cho thấy hiện hữu của vấn đề không chắc chắn, mang tính trọng yếu, đưa đến điều rất hoài nghi về khả năng Công ty tiếp tục hoạt động theo nguyên tắc doanh nghiệp hoạt động liên tục.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch hình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

(Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu.)

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên các cấp độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÂN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Business Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

(Trong năm, đơn vị chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.)

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 03
Tài sản cố định khác	

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất

5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập tại thời điểm cuối năm khi tổ chức kinh tế được Công ty đầu tư vào bị lỗ.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn để được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

10 Ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

13. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quỹ	134.030.180	82.655.846
Tiền gửi ngân hàng	177.890.265	579.060.162
Tiền đang chuyển	-	10.565.000
Tổng cộng	311.920.445	672.281.008
2. Phải thu của khách hàng		
Phải thu các bên liên quan	16.511.879.009	8.328.090.043
<i>(Chi tiết tại mục VII. Giao dịch với các bên liên quan)</i>		
Phải thu bên thứ ba	64.459.927.328	65.170.833.086
Tổng cộng	80.971.806.337	73.498.923.129
3. Trả trước cho người bán		
Trả trước bên thứ ba	1.566.616.426	394.625.000
Tổng cộng	1.566.616.426	394.625.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

4. Các khoản phải thu khác		Cuối năm	Đầu năm	
Phải thu các bên liên quan		3.803.800.000	3.803.800.000	
<i>(Chi tiết tại mục VII. Giao dịch với các bên liên quan)</i>				
Phải thu bên thứ ba		4.518.274.745	4.564.812.273	
Tổng cộng		8.322.074.745	8.368.612.273	
5. Hàng tồn kho		Cuối năm	Đầu năm	
Thành phẩm		34.521.821.065	34.331.250.344	
Hàng hoá		8.662.561.622	11.533.628.875	
Cộng giá gốc hàng tồn kho		43.184.382.687	45.864.879.219	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-	
Giá trị thuần có thể thực hiện được		43.184.382.687	45.864.879.219	
<i>(*) Trong năm Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho những hàng hóa hư hỏng và quá hạn sử dụng.</i>				
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		Cuối năm	Đầu năm	
Công cụ dụng cụ và chi phí quản lý chờ phân bổ		-	169.549.869	
Chi phí thuê văn phòng		55.867.049	-	
Tổng cộng		55.867.049	169.549.869	
7. Tài sản ngắn hạn khác		Cuối năm	Đầu năm	
Nhân viên tạm ứng		1.102.100.097	856.402.641	
Ký quỹ, ký cược		336.534.488	296.534.488	
Tổng cộng		1.438.634.585	1.152.937.129	
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	43.394.513.637	-	-	43.394.513.637
Máy móc thiết bị	58.565.487.724	853.000.000	4.856.198.722	54.562.289.002
PTVT, truyền dẫn	3.505.692.900	-	-	3.505.692.900
Dụng cụ quản lý	647.765.645	-	19.277.500	628.488.145
Tổng	106.113.459.906	853.000.000	4.875.476.222	102.090.983.684
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.242.812.506	3.432.256.728	-	18.675.069.234
Máy móc thiết bị	19.344.549.661	4.052.929.925	3.487.600.069	19.909.879.517
PTVT, truyền dẫn	2.391.323.056	250.579.528	-	2.641.902.584
Dụng cụ quản lý	647.765.645	-	19.277.500	628.488.145
Tổng	37.626.450.868	7.735.766.181	3.506.877.569	41.855.339.480
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	28.151.701.131			24.719.444.403
Máy móc thiết bị	39.220.938.063			34.652.409.485
PTVT, truyền dẫn	1.114.369.844			863.790.316
Dụng cụ quản lý	-			-
Tổng	68.487.009.038			60.235.644.204
9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Cuối năm	Đầu năm	
a Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH US Pharma USA		33.348.210.645	33.348.210.645	
Tổng cộng		33.348.210.645	33.348.210.645	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

b Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ	6.000.000.000	6.000.000.000
Tổng cộng	6.000.000.000	6.000.000.000
10. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.049.225.718	18.058.754.359
Chi phí thuê đất	3.555.713.877	-
Hủy hàng hư hỏng, quá hạn sử dụng	3.974.863.070	-
Chi phí khác	2.714.126.187	-
Tổng cộng	19.293.928.852	18.058.754.359
11. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	59.196.966.435	63.603.242.780
Vay cá nhân, tổ chức khác	5.872.299.984	6.961.674.879
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	48.670.000
Tổng cộng	65.069.266.419	70.613.587.659
12. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả các bên liên quan <i>(Chi tiết tại mục VII Giữa dịch với các bên liên quan)</i>	30.097.770.368	37.972.575.962
Phải trả bên thứ ba	22.271.627.325	27.142.665.321
Tổng cộng	52.369.397.693	65.115.241.283
13. Người mua trả tiền trước	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước của bên thứ ba	2.288.840.808	1.355.161.225
Tổng cộng	2.288.840.808	1.355.161.225
14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.660.644.175	-
Thuế nhà đất	3.999.640	-
Các loại thuế khác	711.464.120	678.667.749
Tổng cộng	3.376.107.935	678.667.749
Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.		
15. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	82.552.427.028	70.149.958.996
Tổng cộng	82.552.427.028	70.149.958.996
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm y tế	-	68.177.438
Bảo hiểm xã hội	-	70.840.880
Kinh phí công đoàn	28.550.746	20.924.298
Cổ tức phải trả	2.056.871.800	2.140.790.800
Phải trả các công ty liên quan <i>(Chi tiết tại mục VII. Giữa dịch với các bên liên quan)</i>	475.947.348	475.947.348
Phải trả bên thứ ba	892.446.532	513.954.350
Tổng cộng	3.453.816.426	3.290.635.114
17. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn		
Vay Ngân hàng	50.859.877.085	51.359.877.085
Tổng cộng	50.859.877.085	51.359.877.085

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Các quỹ của doanh nghiệp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	-	(558.140)	2.384.118.384	(92.183.548.568)	20.200.011.676
Cổ tức phải trả (năm 2007, 2008)					(2.349.546.900)	(2.349.546.900)
Lỗi trong năm trước					(9.448.267.453)	(9.448.267.453)
Tăng khác			558.140			558.140
Giảm khác (*)		(4.258.914.058)			(8.299.502.282)	(12.558.416.340)
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	(4.258.914.058)	-	2.384.118.384	(112.280.865.203)	(4.155.660.877)
Số dư đầu năm nay	110.000.000.000	(4.258.914.058)	-	2.384.118.384	(112.280.865.203)	(4.155.660.877)
Cổ tức phải trả						-
Lãi trong năm nay					879.255.448	879.255.448
Tăng khác						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm nay	110.000.000.000	(4.258.914.058)	-	2.384.118.384	(111.401.609.755)	(3.276.405.429)

(*) Công ty ghi nhận Cổ phiếu quỹ để xử lý các khoản phải thu từ cổ đông chưa góp đủ vốn như đã cam kết đăng ký (xem thêm thuyết minh 18.c).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Cuối năm	Đầu năm
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp của Nhà nước	1.563.610.000	1.563.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	108.436.390.000	108.436.390.000
Tổng cộng	110.000.000.000	110.000.000.000

	Cuối năm	Đầu năm
c. Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.000.000	11.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ (*)	264.292	264.292
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	264.292	264.292
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (**)	10.735.708	10.735.708
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.735.708	10.735.708

(*) Trong năm 2002 Công ty ghi nhận vốn góp của năm (05) cổ đông nhưng chưa thu tiền nên "treo" ở tài khoản phải thu khác 4.258.914.058 đồng, tương đương 264.292 cổ phần. Sau đó cổ đông cũng không góp tiền, việc này không phù hợp với quy định. Nay Công ty tạm phân loại số cổ phiếu đó thành cổ phiếu quỹ để xóa khoản phải thu không thu được tiền.

(**) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
d. Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển	1.889.293.188	1.889.293.188
- Quỹ dự phòng tài chính	494.825.196	494.825.196
	2.384.118.384	2.384.118.384

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.372.004.642	42.345.683.023
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	79.372.004.642	42.345.683.023
2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	106.342.659	19.495.014
Hàng bán bị trả lại	106.342.659	19.495.014
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.265.661.983	42.326.188.009
4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá	39.502.267.143	20.671.040.875
Tổng cộng	39.502.267.143	20.671.040.875
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.894.488	5.611.835
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.009.777.778
Lãi chuyển nhượng cổ phần	-	1.500.000.000
Tổng cộng	8.894.488	7.515.389.613
6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.544.733.358	24.052.777.893
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.219.456	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	114.094.976	26.703.773
Tổng cộng	17.717.047.790	24.079.481.666

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÀN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.820.773.709	791.075.350
Chi phí công cụ dụng cụ	70.331.720	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.884.611	-
Chi phí khác	442.784.638	14.558.912
Tổng cộng	2.572.774.678	805.634.322
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.495.526.687	9.877.075.701
Chi phí công cụ dụng cụ	119.483.728	4.977.000
Chi phí khấu hao	7.735.766.181	8.024.007.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.365.400.775	482.608.760
Chi phí khác	3.702.356.274	2.327.633.879
Tổng cộng	18.418.533.645	20.716.302.591
9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ đầu tư IHC	-	8.200.000.000
Thu thanh lý tài sản cố định	454.545.455	-
Doanh thu khác	990.758.128	919.868.963
Tổng cộng	1.445.303.583	9.119.868.963
10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	1.368.598.653	820.169.424
Xử lý các khoản đã thu sai	-	1.073.527.006
Hủy hợp đồng thuê nhà trước hạn	-	180.000.000
Chi phí khác	261.382.697	63.558.154
Tổng cộng	1.629.981.350	2.137.254.584
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (đồng)	879.255.448	(9.448.267.453)
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.733.708	10.992.649
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tính trên bình quân gia quyền của số phiếu phổ thông đang lưu hành (đồng)	82	(860)

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH US Pharma USA	Công ty con
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Saphaco)	Cổ đông quản lý vốn Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CẦN GIỜ

Lầu 2, Khu 2F-C1, Tòa nhà Mirae Bussiness Center, 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan

Trong năm phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty TNHH US Pharma USA	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hòa	38.284.392.893	19.090.693.330
Cho thuê tài sản	38.280.000.000	

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Saphaco)

Bán hàng hóa	56.788.276	
--------------	------------	--

Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính với các bên liên quan

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH US Pharma USA		
Phải thu tiền cho thuê tài sản	16.451.121.923	8.328.090.043
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Saphaco)		
Phải thu tiền bán hàng hóa	60.757.086	-
Công ty TNHH Bao bì Văn Cơ		
Phải thu khác	3.803.800.000	3.803.800.000
Cộng các khoản phải thu	20.315.679.009	12.131.890.043

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH US Pharma USA		
Phải trả tiền mua hàng hóa	4.341.702.393	10.686.507.987
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Saphaco)		
Phải trả tiền mua hàng hóa	25.756.067.975	27.286.067.975
Công ty TNHH US Pharma USA		
Phải trả khác	475.947.348	473.947.348
Cộng các khoản phải trả	30.573.717.716	38.448.523.310

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.



Hồ Xuân Bình
Kế toán trưởng



Ngày 27 tháng 03 năm 2015

Trần Công
Tổng Giám đốc